

VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CHĂN NUÔI GIA SÚC Ở CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Nguyễn Tất Thắng*

Chăn nuôi gia súc được xác định là ngành sản xuất chủ yếu, quan trọng ở các tỉnh miền núi phía Bắc và luôn được Đảng, Nhà nước, địa phương cùng các ngành quan tâm đầu tư nên đã có sự phát triển đáng khích lệ, đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, tăng thu nhập và giải quyết việc làm cho người chăn nuôi. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được đó, phát triển chăn nuôi gia súc ở khu vực này thời gian qua còn chưa được ổn định, chưa bền vững, hiệu quả chưa cao. Do vậy, việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá về phát triển chăn nuôi gia súc, xác định yếu tố ảnh hưởng và qua đó nhằm đưa ra các giải pháp nhằm phát triển bền vững chăn nuôi gia súc cho địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc trong thời gian tới có ý nghĩa quan trọng, giúp cho các cấp các ngành nhìn nhận đúng thực trạng và thực hiện các giải pháp phù hợp giúp cho chăn nuôi gia súc phát triển một cách bền vững.

Từ khóa: chăn nuôi gia súc, giải pháp, miền núi phía Bắc, phát triển bền vững

1. Giới thiệu

Chăn nuôi là một ngành kinh tế quan trọng ở một số nước trên thế giới, nhất là các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam (Steinfeld, H., Wassenaar, H., và Jutzi, S (2006); Yang, H (2013)). Phát triển chăn nuôi gia súc nói chung và chăn nuôi gia súc ở các trang trại nói riêng góp phần vào việc tăng sản phẩm xã hội trên cơ sở khai thác sử dụng có hiệu quả các nguồn lực (lao động, đất đai, vốn), tăng thu nhập cho nông hộ, góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp và nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, góp phần xoá đói giảm nghèo trong nông thôn (Cục chăn nuôi (2006), Lê Thanh Hải (2008), Đặng Đình Hanh (2008)). Cũng như nhiều địa phương khác, chăn nuôi gia súc ở khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc được xem là một ngành chính, ngoài sự đóng góp to lớn vào kinh tế địa phương, còn góp phần quan trọng trong việc nâng cao thu nhập và tạo việc làm cho người chăn nuôi.

Tuy nhiên, những năm qua, phát triển chăn nuôi gia súc ở đây còn gặp nhiều khó khăn, phát triển chăn nuôi vẫn chủ yếu dựa theo kinh nghiệm, thiếu kiến thức chuyên môn, ít quan tâm đến thông tin thị trường, nếu có thì thiếu cụ thể, hiểu biết về phát triển chăn nuôi bền vững còn rất hạn chế, ô nhiễm môi trường còn rất nghiêm trọng, hiệu quả về kinh

tế - xã hội còn chưa cao... Trước thực tế đó, yêu cầu đặt ra cho các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách là cần có những nghiên cứu tổng kết, đánh giá cho phát triển bền vững cho địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc, nơi có thế mạnh, tiềm năng phát triển chăn nuôi gia súc nhưng lại chưa phát triển hiệu quả, bền vững (Đào Lê Hằng, 2008).

Để giải quyết những bất cập, tồn tại trên, qua đó góp phần đánh giá toàn diện về thực trạng chăn nuôi gia súc của các tỉnh miền núi phía Bắc, phân tích các yếu tố ảnh hưởng, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm phát triển bền vững chăn nuôi gia súc ở khu vực này là vấn đề cấp thiết, có ý nghĩa quan trọng cần quan tâm thực hiện.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp tiếp cận: nghiên cứu sử dụng phối hợp các cách tiếp cận như tiếp cận hệ thống, tiếp cận có sự tham gia, tiếp cận theo nhóm ngành sản xuất, tiếp cận theo các hình thức tổ chức sản xuất và mô hình chăn nuôi, tiếp cận theo chuỗi giá trị với sự liên kết và tham gia của các bên liên quan.

Phương pháp chọn điểm nghiên cứu: với giới hạn nội dung nghiên cứu tập trung vào chăn nuôi trâu, chăn nuôi bò, chăn nuôi lợn và căn cứ vào sự phát triển chăn nuôi trâu, bò và lợn thực tế tại các tỉnh

trong vùng chúng tôi lựa chọn 4 tỉnh đại diện cho nghiên cứu, đó là các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang (vùng Đông Bắc) và Sơn La, Hòa Bình (vùng Tây Bắc), từ đó đưa ra các giải pháp, kiến nghị, đề xuất cho vùng nghiên cứu.

Phương pháp điều tra thu thập thông tin, số liệu: số liệu thứ cấp sẽ được thu thập, xử lý phân nhóm qua đó làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển bền vững chăn nuôi gia súc; số liệu sơ cấp sẽ được tiến hành thu thập thông qua điều tra, điều tra điển hình gồm: 36 cán bộ, 16 doanh nghiệp, 32 người kinh doanh, 20 nhà khoa học và 720 hộ/trang trại chăn nuôi, các đối tượng liên quan đến chăn nuôi gia súc để làm rõ về thực trạng, các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển chăn nuôi gia súc tại địa bàn nghiên cứu.

Phương pháp tính toán và phân tích: các phương pháp như thống kê mô tả, phân tích so sánh, đánh giá có sự tham gia (PRA) và chuyên gia được sử dụng cho tính toán, phân tích.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kết quả thực hiện các nội dung kinh tế, xã hội và môi trường trong chăn nuôi gia súc các tỉnh miền núi phía Bắc

Nghiên cứu tiến hành khảo sát, điều tra, phân tích các nội dung về chủ trương, chính sách, quy hoạch, đầu tư, thực hiện các khâu (giống, thức ăn, chăm

sóc, phòng trừ dịch bệnh, chuyển giao khoa học kỹ thuật, liên kết, tiêu thụ) trong chăn nuôi gia súc ở địa bàn. Kết quả nghiên cứu chỉ rõ những vấn đề về kinh tế, xã hội và môi trường của chăn nuôi gia súc. Cụ thể:

3.1.1. Về kết quả và hiệu quả về kinh tế

Nhìn chung, ở địa bàn các tỉnh điều tra khảo sát cho thấy chăn nuôi gia súc (trâu, bò, lợn) đã có sự phát triển đáng khích lệ: trâu từ 549,3 nghìn con năm 2005 lên 465,5 nghìn con năm 2012; bò từ 336,7 nghìn con năm 2005 lên 422,2 nghìn con năm 2012; lợn từ 2165,3 nghìn con năm 2005 lên 2463,2 nghìn con năm 2012. Tuy nhiên, có thể thấy rằng biến động đàn gia súc chưa ổn định, bền vững ở một số địa phương, một số năm và nhất là đối với trâu, bò. Năm 2008-2009, đàn trâu và bò sụt giảm ở Lạng Sơn, Bắc Giang, Hòa Bình; năm 2011- 2012 sụt giảm ở cả 4 tỉnh điều tra. Năm 2010-2011 đàn lợn sụt giảm ở Lạng Sơn (ở cả năm 2012 của các địa phương, tuy mức độ không nhiều). Sơ bộ cho thấy, sự phát triển chưa được ổn định, bền vững đó ngoài yếu tố khách quan (tự nhiên, kinh tế - xã hội) còn do các yếu tố chủ quan của chính các địa phương đó (trong việc triển khai, thực hiện chăn nuôi gia súc).

Nhìn nhận dưới góc độ chi phí, kết quả và hiệu quả trong chăn nuôi gia súc ở địa bàn nghiên cứu cho thấy: chăn nuôi trâu, bò mang lại nguồn thu nhập cho hộ chăn nuôi (trừ chi phí hộ chăn nuôi còn

Bảng 1: Biến động đàn gia súc qua các năm

Con gia súc	Năm				
	2005	2009	2010	2011	2012
<i>DVT: nghìn con</i>					
1. Lạng Sơn					
Trâu	188,5	155,7	155,3	132,4	122,7
Bò	52,7	45,6	44,3	38,0	31,9
Lợn	350,6	391,3	369,0	333,2	328,4
2. Bắc Giang					
Trâu	92,0	84,6	83,7	74,7	68,8
Bò	99,8	150,3	151,0	139,1	132,8
Lợn	928,4	1133,3	1162,3	1168,2	1173,1
3. Sơn La					
Trâu	143,8	162,5	170,2	166,1	168,5
Bò	119,9	176,5	191,3	188,0	196,5
Lợn	476,0	481,8	523,8	544,3	535,3
4. Hòa Bình					
Trâu	125,0	109,9	113,4	110,4	105,5
Bò	64,3	74,0	72,9	66,8	61,0
Lợn	410,3	433,2	451,2	435,3	426,4

Bảng 2: Chi phí và hiệu quả kinh tế chăn nuôi gia súc của hộ chăn nuôi

ĐVT: 1000 đồng

Chi tiêu	Chăn nuôi trâu	Chăn nuôi bò	Chăn nuôi lợn
1. Tổng chi phí	15.840	11.634	18040
- Chi phí vật chất	12.964	9.334	
- Công lao động	2.876	2.300	
2. Kết quả, hiệu quả sản xuất			
- Bán con giống	21.300	17.040	23.360
- Bán thịt hơi	18.105	14.378	21.450
* Thu nhập			
+ Thu nhập từ bán con giống	8.336	7.706	5320
+ Thu nhập từ bán thịt hơi	5.142	5.044	3410

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra

lãi xung quanh 5 triệu đồng/năm). Tuy nhiên, chi phí cho mua giống cao (2 - 3 triệu) là yếu tố cản trở vì nguồn lực của các hộ chăn nuôi nói chung vẫn còn hạn chế (chi phí ban đầu cao, nếu gặp rủi ro như thiên tai, dịch bệnh thì khó khắc phục, phục hồi phát triển chăn nuôi được). Đối với chăn nuôi lợn thì chi phí ban đầu (giống) không cao, do vậy hộ chăn nuôi lựa chọn quy mô phù hợp với mình nhưng trong tổng chi phí thì chi phí cho thức ăn chiếm tỷ lệ cao (trung bình hộ chi phí khoảng 15 triệu đồng/năm trong khi tổng thu chỉ khoảng 20-22 triệu đồng). Bên cạnh đó, thời gian gần đây giá thức ăn liên tục tăng nên hộ chăn nuôi thu nhập rất thấp, thậm chí không có lãi (“lấy công làm lãi”). Như vậy, để phát triển chăn nuôi gia súc mang lại kết quả, hiệu quả (xét góc độ chi phí) thì vấn đề đặt ra là việc trợ giúp, hỗ trợ nguồn vốn (hộ chăn nuôi trâu, bò), kiểm soát và giảm chi phí thức ăn cho chăn nuôi nói chung và

chăn nuôi lợn nói riêng, từ đó giúp hộ/trang trại chăn nuôi gia súc nâng cao kết quả và hiệu quả, yên tâm đầu tư phát triển chăn nuôi gia súc.

3.1.2 Lao động, việc làm và xóa đói giảm nghèo

Lao động, việc làm ở các hộ/trang trại chăn nuôi gia súc là đối tượng chủ yếu, tham gia trực tiếp vào trong chăn nuôi gia súc. Đối với lao động nói chung: trong những năm qua, hàng năm tăng lên trung bình khoảng 2.000– 4.000 lao động/năm (công ăn việc làm mới); cùng với đó tỷ lệ thất nghiệp ngày càng giảm (chỉ có ở Lạng Sơn là tăng lên, một phần do chăn nuôi giảm sút tỷ lệ thất nghiệp tăng lên: tăng từ 2,6% năm 2011 lên 6,7% năm 2012). Bên cạnh đó, sự phát triển của các trang trại ở địa bàn thì hầu như thuộc trang trại về chăn nuôi gia súc (tương ứng như ở Sơn La và Hòa Bình, trong lần lượt 29 và 39 trang trại thì có đến 28 và 38 trang trại là về chăn nuôi). Điều đó cho thấy chăn nuôi gia súc là hướng

Bảng 3: Tình hình lao động việc làm về chăn nuôi ở các địa phương

Chi tiêu	ĐVT	Năm		
		2010	2011	2012
1. Lao động nông thôn	Lao động			
- Lạng Sơn	“	384.556	396.853	400.317
- Bắc Giang	“	892.047	899.862	909.845
- Sơn La	“	644.682	681.846	704.171
- Hòa Bình	“	510.925	538.501	539.561
2. Tỷ lệ thất nghiệp nông thôn	%			
- Lạng Sơn	“	0,46	0,26	0,67
- Bắc Giang	“	0,58	0,77	1,14
- Sơn La	“	0,38	0,30	0,15
- Hòa Bình	“	0,53	0,40	0,22
3. Tỷ lệ hộ nghèo	%			
- Lạng Sơn	“	27,5	-	21,0
- Bắc Giang	“	19,2	-	14,1
- Sơn La	“	37,9	-	31,9
- Hòa Bình	“	30,8	-	21,7

Nguồn: Niên giám thống kê Lạng Sơn, Bắc Giang, Sơn La, Hòa Bình (2012)

đi, phát triển quan tâm đối với người dân, phần nào giải quyết công ăn việc làm ổn định, bền vững cho người lao động ở địa bàn. Tuy nhiên, chúng ta cũng nhận thấy rằng sự gia tăng/giải quyết lao động công ăn việc làm trong chăn nuôi gia súc ở hộ/trang trại còn ở mức thấp, chưa phát huy, khai thác hết tiềm năng vốn có, cũng như nâng kết quả và hiệu quả trong chăn nuôi gia súc của vùng.

Bên cạnh vấn đề về lao động, việc làm, kết quả khảo sát điều tra về nghèo đói cho thấy: tỷ lệ hộ nghèo những năm qua có xu hướng giảm ở tất cả các tỉnh (trung bình giảm 2 - 3%/năm). Tuy tỷ lệ hộ nghèo ở địa bàn vẫn ở mức cao (xung quanh 20%, thậm chí lên đến 31,9% như ở Sơn La), nhưng tỷ lệ hộ nghèo ở các hộ chăn nuôi gia súc là thấp hơn so với tỷ lệ hộ nghèo nói chung (dưới 10%). Điều đó cho thấy, phát triển chăn nuôi gia súc góp phần xóa đói giảm nghèo cho các hộ chăn nuôi và để phát triển chăn nuôi gia súc ổn định, bền vững, thực hiện giảm nghèo tốt hơn cần sự quan tâm vào cuộc mạnh mẽ hơn từ các cấp, các ngành; cũng như nâng cao năng lực, hiểu biết, trình độ cho nguồn nhân lực của các địa phương của vùng.

3.1.3. Về môi trường

Khảo sát, điều tra về tình hình môi trường trong chăn nuôi gia súc ở địa bàn cho thấy nổi lên nhiều vấn đề đáng quan tâm, đó là vệ sinh chuồng trại chăn nuôi, vấn đề xử lý chất thải trong chăn nuôi gia súc chưa thực sự được quan tâm, thực hiện không đúng yêu cầu về kỹ thuật. Đây sẽ là một trong những nguyên nhân quan trọng làm dịch bệnh phát sinh, cũng như ảnh hưởng đến môi trường sống của người dân ở địa bàn.

Việc thực hiện vệ sinh môi trường tương đối tốt chủ yếu đối với hộ/trang trại chăn nuôi mang tính “kinh doanh”, chẳng hạn như chăn nuôi bò sữa ở Mộc Châu, Sơn La hay một số trang trại chăn nuôi quy mô (chỉ chiếm khoảng gần 10%). Còn nhìn chung, vệ sinh môi trường trong chăn nuôi trâu, bò còn rất kém, chuồng trại chăn nuôi còn rất sơ sài, bố trí gần nhà, vệ sinh chuồng trại không thường xuyên, không đúng kỹ thuật, phân được thải trực tiếp ra môi trường không qua xử lý gây ô nhiễm môi trường và nguồn nước ngầm, phòng trừ dịch bệnh chưa được quan tâm (cụ thể, trên địa bàn huyện Mộc Châu, việc xử lý chất thải chăn nuôi còn rất hạn chế, hiện có khoảng 80 hộ có công trình hầm biogas, hầu hết các hộ thải trực tiếp ra môi trường

gây ô nhiễm không khí, nhất là nguồn nước sinh hoạt cũng như sản xuất).

Như vậy, có thể thấy rằng môi trường trong chăn nuôi gia súc ở địa bàn là vấn đề đáng báo động. Để thúc đẩy phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững cần sự vào cuộc mạnh mẽ hơn từ các cấp chính quyền địa phương, cần quan tâm đến quy hoạch phát triển chăn nuôi gia súc tập trung cách xa khu dân cư để tránh ảnh hưởng cũng như kiểm soát được dịch bệnh và vệ sinh môi trường, đồng thời cần nâng cao nhận thức, hiểu biết của người dân về các quy trình, cách thức xử lý chất thải hợp lý, tuyên truyền và vận động người dân phun thuốc khử trùng 2 tuần/lần để giữ gìn khu vực chuồng trại sạch sẽ, tránh lây lan bệnh tật.

3.2. Đánh giá tính bền vững chăn nuôi gia súc các tỉnh miền núi phía Bắc

Các nội dung phát triển chăn nuôi gia súc bao gồm các nội dung từ việc đưa ra các chủ trương, chính sách đến thực hiện và kết quả thực hiện các nội dung phát triển (kinh tế, xã hội, môi trường). Các nội dung được xem xét, đánh giá cả về số lượng và chất lượng, cũng như sự tương quan/ảnh hưởng của các nội dung phát triển đó đến sự phát triển ổn định, bền vững chăn nuôi gia súc nói chung. Cụ thể như sau:

Chăn nuôi gia súc luôn được các cấp, các ngành quan tâm và đạt được những kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, các chủ trương chính sách, quy hoạch đưa ra còn chưa được đồng bộ, đầy đủ, phù hợp nên phần nào chưa giúp cho chăn nuôi gia súc ở địa bàn phát triển tốt, hiệu quả, ổn định và bền vững (chính sách giao đất, giao rừng, quy hoạch đồng cỏ gây khó khăn cho việc chăn thả gia súc, nhất là trâu, bò,...). Từ đó, phát triển gia súc ở địa bàn mang tính tự phát, khi gặp khó khăn sẽ bị thu hẹp quy mô, ảnh hưởng đến phát triển, sự ổn định của chăn nuôi gia súc.

Cơ sở hạ tầng, chuồng trại nói chung những năm qua đã được quan tâm hơn. Tuy nhiên, nhìn chung hạ tầng nói chung và chuồng trại nói riêng còn sơ sài, chưa đáp ứng yêu cầu (chưa đảm bảo yêu cầu chống rét, vệ sinh chuồng trại) cho việc phát triển chăn nuôi gia súc, ảnh hưởng đến kết quả và hiệu quả, từ đó làm giảm tính ổn định, bền vững của chăn nuôi gia súc.

Việc tổ chức, thực hiện các khâu trong chăn nuôi gia súc chưa được tốt (nhất là khâu phòng trừ thiên

tai, dịch bệnh). Đây là nhân tố chủ yếu làm cho tính kém bền vững trong phát triển chăn nuôi gia súc ở địa bàn (nhất là vấn đề trâu, bò chết rét và trâu, bò và lợn chết do dịch bệnh).

Trong hầu hết các nội dung chăn nuôi, thì sự liên kết của các tác nhân tham gia còn lỏng lẻo, các liên kết chủ yếu ở dạng phi chính thống (thỏa thuận miệng) nên khi gặp rủi ro thì thiệt hại rất lớn.

Thị trường (giá cả) thời gian qua có những biến động mạnh, không ổn định. Đây cũng là nhân tố chủ yếu dẫn đến tính kém bền vững đối với chăn nuôi gia súc ở địa bàn. Đáng chú ý nhất là biến động về giá trong chăn nuôi lợn.

Một số chỉ tiêu về kết quả và hiệu quả trong chăn nuôi gia súc còn chưa ổn định, bền vững, điều đó thể hiện ở biến động đàn gia súc (nhất là đối với trâu, bò) ở một số địa phương; hiệu quả chăn nuôi còn thấp và giảm sút (trong chăn nuôi lợn).

Phát triển chăn nuôi gia súc góp phần giải quyết tương đối tốt lao động việc làm cho người lao động, nhất là những lúc nông nhàn; góp phần tạo ra thu nhập (tuy chưa cao), nhưng phần nào cải thiện thu nhập và đời sống người chăn nuôi gia súc, giảm đói nghèo (nhất là đối với hộ nghèo) trong chăn nuôi gia súc.

Một số vấn đề về môi trường (chất thải, xử lý chất thải, công tác phòng trừ dịch bệnh) chưa được thực hiện tốt, là vấn đề cần quan tâm, vì nó là tác nhân tác động, ảnh hưởng đến kết quả, cũng như sự phát triển bền vững trong chăn nuôi gia súc ở địa bàn

nghiên cứu.

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển bền vững chăn nuôi gia súc các tỉnh miền núi phía Bắc

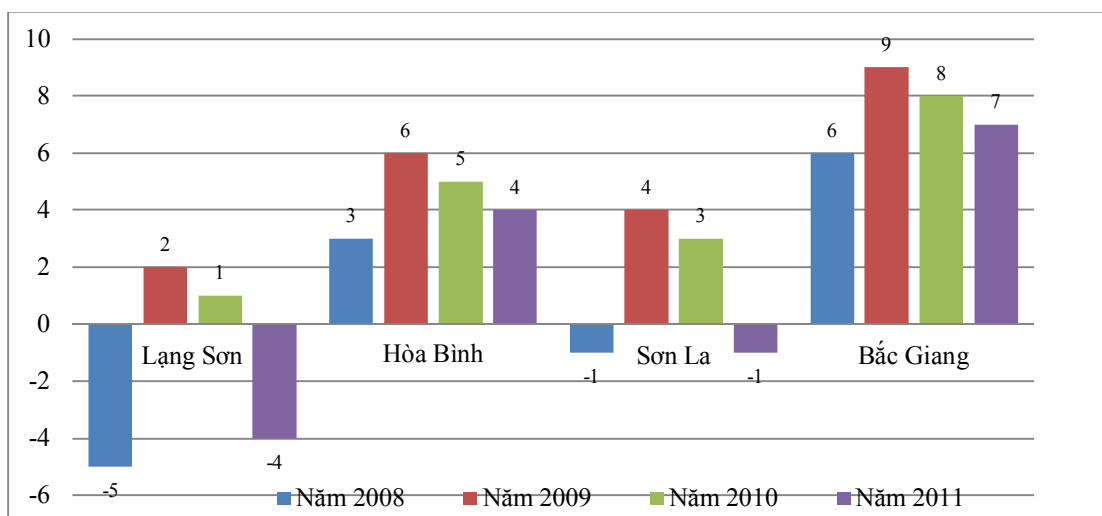
Qua nghiên cứu, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển bền vững chăn nuôi gia súc ở địa bàn cho thấy các yếu tố chính ảnh hưởng đến tính ổn định, bền vững của chăn nuôi gia súc là: yếu tố tự nhiên, công tác thú y phòng trừ dịch bệnh và thị trường tiêu thụ.

3.3.1. Yếu tố tự nhiên

Các yếu tố tự nhiên: bao gồm địa hình, đất đai, khí hậu thời tiết có ảnh hưởng đến phát triển chăn nuôi gia súc về cả số lượng, quy mô và tính bền vững của chăn nuôi. Cụ thể, vùng miền núi phía Bắc mang “đặc thù” của vùng miền núi rộng lớn với địa hình hiểm trở, bị chia cắt bởi nhiều dãy núi, gây khó khăn trong việc đi lại, cung cấp thức ăn, tiêu thụ và phòng trừ dịch bệnh. Bên cạnh đó, địa hình có độ dốc cao kết hợp với phương thức chăn nuôi thả rông gây thiệt hại đáng kể cho chăn nuôi gia súc, đặc biệt là trâu bò bị chết do ngã trong quá trình chăn thả tự nhiên. Tuy nhiên, không thể phủ nhận được rằng vị trí địa lý, địa hình của khu vực cũng tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển thị trường tiêu thụ không chỉ trong mà ngoài nước do giáp ranh với các vùng phát triển năng động lân cận như Đồng bằng sông Hồng và Trung Quốc.

Bên cạnh đặc điểm về khí hậu thời tiết thuận lợi cho phát triển chăn nuôi gia súc, thì chính yếu tố đó có ảnh hưởng xấu đến chăn nuôi gia súc của địa bàn.

Hình 1: Nhiệt độ thấp nhất ở các tỉnh miền núi phía Bắc Giai đoạn 2008 – 2011



Nguồn: Tổng cục thống kê (2013)

Bảng 4: Tình hình trâu, bò chết rét vào ở các tỉnh miền núi phía Bắc

ĐVT: Con

Các tỉnh	Năm			
	2008	2009	2010	2011
• Tổng số	54.844	22.927	9.405	32.332
Trong đó: Sơn La	15.542	9.471	1.413	10.884
Lạng Sơn	25.578	8.280	2.392	10.672
Hòa Bình	11.928	4.801	5.046	9.847
Bắc Giang	1.796	375	554	929

Nguồn: Sở Nông nghiệp và PTNT Sơn La, Lạng Sơn, Hòa Bình, Bắc Giang (2008,2009,2010,2011)

Thực tế những năm gần đây thời tiết biến đổi thất thường, nhất là vào mùa đông ở địa bàn núi cao nhiệt độ giảm xuống rất thấp (khoảng 5⁰C, có nơi xuống dưới 0⁰C) gây ra thiệt hại cho chăn nuôi gia súc. Số gia súc, tỷ lệ gia súc bị chết rét do thời tiết khắc nghiệt chủ yếu xảy ra ở các hộ chăn nuôi theo phương thức thả rông hay chuồng trại sơ sài không đảm bảo giữ ấm cho gia súc, cộng với nguồn thức ăn dự trữ ít/không đầy đủ nên ảnh hưởng đáng kể đến sức chống chịu rét của gia súc.

Trên địa bàn hiện có khoảng 1,46 triệu con trâu và 907 nghìn con bò. Tuy nhiên, do dịch bệnh, thiên tai, công tác chăm sóc nên gia súc gần đây bị chết nhiều, ảnh hưởng đến số lượng đàn gia súc trong ngắn hạn và dài hạn. Xét ở các địa bàn khảo sát điều tra, số trâu, bò chết rét năm 2008 là trên 54 nghìn con, năm 2010 – 2011 cũng lên tới hơn 32 nghìn con. Như vậy, thiệt hại do thiên tai gây ra những tác động không nhỏ đến phát triển bền vững chăn nuôi gia súc ở địa bàn nghiên cứu. Theo thống kê của các tỉnh miền núi phía Bắc về thiệt hại gia súc do thiên tai gây ra thì Sơn La và Lạng Sơn là hai tỉnh dẫn đầu về số gia súc bị chết do thời tiết khắc nghiệt, rét đậm rét hại kéo dài. Cũng theo thống kê thì tại nhiều địa phương trong vùng, số lượng gia súc bị chết rét lớn hơn nhiều so với gia súc bị chết do dịch bệnh.

Thực tế cho thấy, công tác phòng chống thiên tai ở các địa bàn nghiên cứu cũng được người dân và chính quyền địa phương quan tâm. Tuy nhiên, do điều kiện các hộ còn khó khăn, cộng với thời tiết khắc nghiệt nên gia súc bị chết rét trên địa bàn vẫn xảy ra với số lượng lớn. Có thể nói rằng chống rét là một trong các khâu quan trọng nhằm phát triển chăn nuôi gia súc hiệu quả, góp phần phát triển ổn định và bền vững chăn nuôi gia súc ở địa bàn.

Bên cạnh yếu tố thời tiết khí hậu thì yếu tố địa hình (độ dốc) cũng là một trong các yếu tố ảnh hưởng đến

phát triển chăn nuôi gia súc. Ở các tỉnh miền núi phía Bắc, nhiều nơi có độ dốc cao, độ dốc thay đổi gây khó khăn cho chăn nuôi gia súc, gia súc thường chăn thả rông khi đi kiếm ăn bị tai nạn và chết.

Như vậy, phát triển chăn nuôi gia súc ở địa bàn chịu ảnh hưởng rất lớn từ thời tiết, khí hậu, đặc biệt là đối với trâu, bò. Đây được xác định là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến sự phát triển chăn nuôi trâu, bò bền vững ở địa bàn.

3.3.2 Công tác thú y, phòng trừ dịch bệnh

Công tác thú y và phòng trừ dịch bệnh có liên quan mật thiết với nhau và ảnh hưởng rất lớn đến phát triển, phát triển bền vững chăn nuôi gia súc. Thực tế ở địa bàn cho thấy, phần lớn gia súc mắc các bệnh như: tụ huyết trùng, tai xanh, lở mồm long móng. Ở hầu hết các địa phương diễn biến dịch bệnh phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ bùng phát trên diện rộng, gây tâm lý lo ngại, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững chăn nuôi gia súc. Theo cục thú y, năm 2010 dịch bệnh ở gia súc diễn ra ở 297 xã thuộc 103 huyện của 28 tỉnh/thành phố trong cả nước, với tổng số 16.333 con trâu, bò mắc bệnh, 41 con trâu, bò bị tiêu hủy, trong đó có nhiều tỉnh thuộc các tỉnh miền núi phía Bắc. Một số địa phương gia súc chết do dịch bệnh khá lớn (cụ thể chỉ trên địa bàn xã Cư Yên, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình năm 2012 có 110 con lợn bị chết và 28 con lợn bị tiêu hủy). Nguyên nhân chính là do phương thức chăn nuôi, chăm sóc của các hộ còn hạn chế cũng như sự chủ quan trong công tác phòng chống dịch.

Trong những năm gần đây, công tác phòng trừ dịch bệnh và phòng chống thiên tai được chính quyền địa phương các cấp và người dân hết sức quan tâm. Tuy nhiên, tỷ lệ gia súc được tiêm phòng trên địa bàn nhìn chung vẫn rất thấp (tỷ lệ tiêm phòng tụ huyết trùng năm 2010 ở Lương Sơn, Hòa

Bình chỉ đạt hơn 60%, tương tự đối với dịch xanh chỉ đạt 83,2%). Điều đó cho thấy, tuy số đầu con gia súc ở địa bàn được tiêm phòng ngày càng tăng nhưng tỷ lệ gia súc được tiêm phòng vẫn chưa cao. Điều đó đồng nghĩa với khả năng xuất hiện dịch bệnh trở lại đối với gia súc của các hộ chăn nuôi trên địa bàn là rất cao do tính chất lây lan mạnh của dịch bệnh cộng thêm với tập quán chăn thả truyền thống và công tác vệ sinh môi trường không đảm bảo và do vậy ảnh hưởng đến phát triển ổn định, bền vững của chăn nuôi gia súc ở địa bàn.

Trong việc thực hiện tiêm phòng, phòng trừ dịch bệnh ở địa bàn còn gặp nhiều khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Thực tế cho thấy, nhiều hộ chăn nuôi tự tiêm phòng bệnh khi có dịch do không được tiêm phòng kịp thời từ cán bộ thú y cấp xã, huyện. Nguyên nhân chủ yếu là do đội ngũ cán bộ thú y trên địa bàn huyện, xã còn thiếu về số lượng và hạn chế về trình độ chuyên môn. Do vậy, để công tác phòng chống dịch bệnh trên địa bàn huyện, xã được thực hiện tốt thì vấn đề nâng cao số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ thú y cần được quan tâm hơn nữa.

Nhìn chung, công tác phòng trừ dịch bệnh kịp thời đã góp phần quan trọng cho phát triển chăn nuôi gia súc. Tuy nhiên, công tác phòng trừ dịch bệnh tại địa bàn nghiên cứu thực hiện chưa tốt nên đây là một trong các nguyên nhân cơ bản ảnh hưởng đến phát triển bền vững chăn nuôi gia súc.

3.3.3. Thị trường tiêu thụ

Thị trường tiêu thụ đóng vai trò rất quan trọng, góp phần phát triển, phát triển bền vững chăn nuôi gia súc. Ở địa bàn nghiên cứu, thị trường tiêu thụ sản phẩm chính là thị trường trong vùng, sản phẩm tiêu thụ chủ yếu qua kênh: hộ/trang trại chăn nuôi - lái buôn/thu gom - cơ sở giết mổ - người tiêu dùng với các sản phẩm như thịt hơi, con giống. Đối với sản phẩm sữa thì tiêu thụ thông qua các đại lý và doanh nghiệp trước khi đến tay người tiêu dùng. Như vậy, người thu gom nhỏ ở địa phương (xã) là đối tượng thu mua thịt hơi trực tiếp từ các hộ dân nhiều nhất (50%), sau đó dòng sản phẩm đi đến lái buôn ngoài xã - người giết mổ - người tiêu dùng (trong và ngoài tỉnh/vùng). Kênh tiêu thụ này phổ biến nhất hiện nay, nhưng không có nghĩa là kênh tiêu thụ hiệu quả, bền vững nhất bởi sản phẩm qua nhiều tác nhân trung gian trước khi tới tay người tiêu dùng, thông tin về giá sản phẩm tới người chăn nuôi do đó cũng không phản ánh hết giá trị thực mà

người chăn nuôi nhận được.

Ngoài việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, yếu tố giá có ảnh hưởng quyết định đến kết quả và hiệu quả chăn nuôi. Thời gian gần đây (giai đoạn 2007 - 2012), giá thịt trâu, bò có xu hướng tăng, đặc biệt tăng mạnh vào năm 2010 trong khi giá thịt lợn nhìn chung có xu hướng giảm trong cả giai đoạn do dịch bệnh tai xanh và tụ huyết trùng bùng phát từ năm 2007 đến nay nên nhu cầu thịt lợn giảm đáng kể. Chính điều này đã đẩy giá thịt trâu, bò tăng dần lên qua các năm. Do giá cả trâu, bò tương đối ổn định nên phần nào đảm bảo thu nhập cho người chăn nuôi và xu hướng mở rộng quy mô chăn nuôi trâu bò của các hộ vẫn gia tăng. Đối với giá thịt lợn hơi giai đoạn 2007 - 2012 có sự biến động bất thường. Năm 2007 giá thịt lợn hơi bình quân toàn vùng là 41.000đồng/kg, đến năm 2010 tăng lên đến 45.000đồng/kg. Tuy nhiên, năm 2010 trước thời điểm địa bàn xã bị dịch tai xanh (05/2012) thì giá lợn tăng đỉnh điểm đến 57.000đồng/kg. Nguyên nhân giá tăng trong giai đoạn 2007 - 2010 chủ yếu là do giá thức ăn chăn nuôi tăng nhanh dẫn đến chi phí sản xuất tăng cao, kéo theo giá đầu ra tăng để đáp ứng được mức tăng chi phí. Việc giảm giá thịt lợn hơi trong năm 2011, 2012 là do trong hai năm này giá thịt lợn ở mức cao, người dân ồ ạt đầu tư chăn nuôi lợn dẫn đến nguồn cung tăng đột biến. Sự biến động thất thường của giá thịt lợn làm hộ chăn nuôi gặp nhiều rủi ro và tổn thất, ảnh hưởng đến quyết định tái đầu tư sản xuất của hộ chăn nuôi.

Như vậy, biến động về thị trường, đặc biệt là biến động giá cả thịt lợn là yếu tố ảnh hưởng chủ yếu đến phát triển bền vững chăn nuôi lợn ở địa bàn. Vì vậy, cần phải có giải pháp và chính sách trong việc hỗ trợ thu mua sản phẩm, tăng cường quảng bá thương hiệu sản phẩm chăn nuôi để mở rộng thị trường. Có như vậy người chăn nuôi mới yên tâm đầu tư phát triển chăn nuôi và chủ động trong tiêu thụ sản phẩm, nâng cao thu nhập, đóng góp vào sự phát triển bền vững chăn nuôi gia súc của địa phương.

3.4. Đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm phát triển bền vững chăn nuôi gia súc các tỉnh miền núi phía Bắc

Căn cứ vào chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020 (Bộ nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2007), cũng như quy hoạch phát triển chăn nuôi gia súc vùng trung du miền núi Bắc Bộ (Viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp, 2006) nhằm phát triển bền

vững chăn nuôi gia súc cho địa bàn nghiên cứu, bên cạnh các giải pháp hỗ trợ cho phát triển chăn nuôi gia súc như bổ sung, hoàn thiện chính sách; nâng cao năng lực cán bộ chăn nuôi/thú y, giải quyết tốt các khâu chăn nuôi,... thì cần tập trung vào các giải pháp chủ yếu sau:

3.4.1. Giải pháp phòng ngừa rủi ro thiên tai

- Dưới Cục chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và PTNT), các tỉnh cần lập, kiện toàn Ban chỉ đạo phòng, chống thiên tai. Ban chỉ đạo này phải là đơn vị tiên phong trong công tác hướng dẫn, trợ giúp người dân trong phòng, chống thiên tai.

- Sớm hoàn thiện hệ thống khuyến nông cơ sở (nhất là khuyến nông xã, thôn/bản) cần chủ động trong việc hướng dẫn kỹ thuật phòng, chống đói rét cho các hộ chăn nuôi gia súc.

- Về tổ chức: trước mùa rét, Ban chỉ đạo, mạng lưới khuyến nông và thú y cần cử các đoàn công tác đi hướng dẫn các địa phương; bên cạnh đó các xã, thôn, bản tiến hành rà soát đàn gia súc chăn thả của các gia đình, các hộ chưa có chuồng nuôi nhốt hoặc chuồng nuôi nhốt còn tạm bợ không đủ khả năng giữ ấm cho trâu, bò trong mùa đông, nguồn thức ăn cho gia súc (nhất là các địa bàn vùng cao, gia đình nghèo, những nơi có nguy cơ cao), báo cáo thường xuyên, kịp thời để có phương án hỗ trợ, hướng dẫn.

- Các cấp cơ sở cũng cần cập nhật diễn biến thời tiết ở các địa phương, thông tin kịp thời cho các hộ chăn nuôi gia súc được biết (nhất là hộ, địa bàn khó khăn).

- Thực hiện tốt các khâu như: chuẩn bị chuồng trại đảm bảo, dự phòng thức ăn đầy đủ nhất là vào mùa đông (từ tháng 11 đến tháng 3), chuẩn bị các vật liệu chống rét phù hợp, theo dõi sát sao diễn biến thời tiết, độn chuồng, che chắn gió, đốt lửa chống rét và mặc áo chống rét (khi nhiệt độ xuống dưới 12 độ C) theo sự hướng dẫn cụ thể của cán bộ chuyên môn.

3.4.2. Giải pháp phòng trừ dịch bệnh, vệ sinh môi trường

- Tổ chức thực hiện tốt công tác phòng trừ dịch bệnh cho gia súc, trước hết là kiện toàn bộ máy, tăng cường nguồn lực, trong phòng trừ dịch bệnh cần chú trọng đến công tác phòng dịch. Các hộ /trang trại chăn nuôi cần thực hiện tốt các biện pháp phòng dịch bằng biện pháp vệ sinh chuồng trại, định kỳ phun thuốc sát trùng chuồng trại để ngăn chặn các loại vi khuẩn gây bệnh xâm nhập, nếu có gia súc có dấu hiệu bị bệnh phải báo ngay cho cán bộ thú y cơ

sở để có biện pháp xử lý.

- Đầu tư trang thiết bị chẩn đoán dịch bệnh; tăng cường, bổ sung đội ngũ cán bộ chuyên môn nhất là về chăn nuôi, thú y cho địa bàn (nhất là đội ngũ cấp huyện, xã) nhằm phát hiện, xử lý hiệu quả, kịp thời khi dịch bệnh diễn ra. Bên cạnh đó có chính sách khuyến khích, hỗ trợ đào tạo, nâng cao trình độ cho đội ngũ đó.

- Cần tiêm phòng định kỳ cho gia súc, nâng cao tỷ lệ tiêm phòng dịch bệnh cho các hộ gia đình chăn nuôi gia súc. Khi có dịch bệnh xảy ra, phải thực hiện đúng quy trình dập dịch, áp dụng các biện pháp cần thiết khi xảy ra dịch bệnh. Bên cạnh đó cần có chính sách hỗ trợ kinh phí tiêm phòng (nhất là đối với hộ nghèo).

- Tuyên truyền, mở lớp tập huấn để nâng cao hiểu biết cho hộ gia đình chăn nuôi ít nhất là những kiến thức về phát hiện, phòng trừ các dịch bệnh thường gặp, cũng như thực hiện tốt các vấn đề chuồng trại, vệ sinh chuồng trại và xử lý chất thải trong chăn nuôi gia súc.

- Các cấp, các ngành (Bộ Nông nghiệp và PTNT, quản lý thị trường,...) cần kiểm soát tốt nguồn cung ứng giống, sản phẩm nhập khẩu nhằm tránh/hạn chế sản phẩm có nhiễm bệnh.

3.4.3. Giải pháp về thị trường, giá cả

- Tăng cường cập nhật và quảng bá thông tin về tình hình chăn nuôi gia súc và thị trường các sản phẩm chăn nuôi gia súc của vùng, cũng như cả nước. Gắn kết khuyến nông với thị trường, nhằm định hướng phát triển chăn nuôi gia súc phù hợp, hiệu quả, ổn định và bền vững.

- Tổ chức lại sản xuất ngành chăn nuôi gia súc của vùng theo các chuỗi liên kết, chú ý gắn kết với các kênh tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng thương hiệu cho các loại sản phẩm đặc trưng của địa bàn, như giống trâu, bò, lợn bản địa, bò sữa chất lượng cao.

- Ổn định giá thức ăn chăn nuôi: bên cạnh việc trợ giá cho thức ăn chăn nuôi, cần có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp lớn đầu tư trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, nhằm xóa bỏ thế độc quyền, tạo ra sự cạnh tranh về giá; Trong trường hợp cần thiết, có thể khuyến khích nhập khẩu thức ăn chăn nuôi để giảm áp lực sản xuất trong nước.

- Tổ chức, thúc đẩy hệ thống tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi gia súc, tăng cường công tác thông tin thị

trường và xúc tiến thương mại. Tổ chức tiêu thụ gắn với cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, nhằm thay đổi thói quen tiêu dùng, tăng dần tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ qua chế biến.

- Tổ chức các Hội thi, Triển lãm giống và sản phẩm từ vật nuôi, Hội chợ nhằm tạo điều kiện cho

người chăn nuôi, Doanh nghiệp giới thiệu, trao đổi sản phẩm. Các chợ nên mở theo cụm xã, phiên chợ mở vào các ngày phù hợp, hay quy định một tháng 4 - 5 phiên chợ, hỗ trợ tối thiểu 50% kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng cho các chợ ở khu vực phát triển gia súc trâu, bò, lợn như Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái,... □

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2007), Báo cáo chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020.
- Cục chăn nuôi (2006), Báo cáo tổng kết chăn nuôi trang trại tập trung giai đoạn 2001 – 2006, định hướng và giải pháp phát triển giai đoạn 2007 – 2015.
- Đặng Đình Hạnh (2008), Kết quả mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật góp phần chuyển dịch cơ cấu chăn nuôi trong sản xuất nông nghiệp ở một số tỉnh trung du miền núi phía Bắc, Báo cáo trình bày tại Hội nghị nông nghiệp các tỉnh miền núi phía Bắc.
- Đào Lệ Hằng (2008), Phát triển chăn nuôi đại gia súc ở miền núi phía Bắc: cần thiết nhưng phải làm thế nào? Tạp chí chăn nuôi số 05, Tr 27-28.
- Lê Thanh Hải (2008), Phát triển chăn nuôi trang trại và một số giải pháp sản xuất lợn hàng hóa bền vững, Tạp chí chăn nuôi số 07, Tr 19-22.
- Niên giám thống kê Lạng Sơn, Bắc Giang, Sơn La, Hòa Bình (2012)
- Sở Nông nghiệp và PTNT Sơn La, Lạng Sơn, Bắc Giang, Hòa Bình (2008, 2009, 2010, 2011), Báo cáo về thiệt hại do thiên tai trong chăn nuôi gia súc các năm 2008, 2009, 2010, 2011.
- Steinfeld, H., Wassenaar, T., và Jutzi, S (2006), Livestock production system in developing countries: status, drivers and trends.
- Tổng cục thống kê (2013), Niên giám thống kê 2012.
- Viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp (2006), Quy hoạch phát triển các vùng chuyên canh tập trung sản xuất cây hàng hóa và chăn nuôi đại gia súc vùng trung du miền núi Bắc Bộ đến năm 2020.
- Yang, H (2013), Livestock development in China: animal production, consumption and genetic resources.

Solution for sustainable development of cattle rearing in Northern provinces

Abstract

Cattle rearing has been recognized as the main and important sector in Northern provinces of Vietnam, and it has always received significant attention and investment from the Government and relevant agencies. Recently, cattle rearing has developed and has contributed significantly to socio-economic development of the provinces by increasing income and creating jobs for rearers. Nevertheless, the development of livestock rearing in the selected sites is not really stable, so the effectiveness is not so high. Therefore, it is necessary to examine the development of cattle rearing, investigate factors affecting this sector's development, and based on that recommend solutions for sustainable development of cattle rearing in Northern provinces. This research provides implications for policy makers and officers in local governments in helping the cattle rearing sector have sustainable growth.

Thông tin tác giả:

***Nguyễn Tất Thắng, tiến sĩ**

- Nơi công tác: Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

- Lĩnh vực chuyên môn: Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn

Email: nguyenduongthang@yahoo.com